

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SU

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Cơ khí; Chuyên ngành: Cơ điện tử

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: PHẠM HOÀNG VƯƠNG

2. Ngày tháng năm sinh: 7/6/1979 ; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh ; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Hoàng Sơn, Hoàng Hoá, Thanh Hoá
.....

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): P1201 - HH2A – KĐTM Dương Nội, Yên Nghĩa, Hà Đông, Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bru điện):

P1201 - HH2A – KĐTM Dương Nội, Yên Nghĩa, Hà Đông, Hà Nội.

Điện thoại nhà riêng: ...; Điện thoại di động: 0986265666; E-mail: phvuong@utc.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng, năm: 3/2005 đến tháng 7 năm 2007: Công tác tại phòng thí nghiệm Cơ khí, Khoa Cơ Khí, Trường Đại học Giao thông vận tải.

Từ tháng 8 năm 2007 đến tháng 3 năm 2011: Cử đi làm nghiên cứu sinh tại đại học DaYeh, Đài Loan với học bổng toàn phần do trường đại học DaYeh cấp.

Từ tháng 5 năm 2011 đến nay là giảng viên bộ môn Kỹ thuật máy nay đổi tên thành bộ môn Cơ điện tử theo quyết định số 692/ QĐ-ĐHGTVT, Khoa Cơ Khí, Trường Đại học Giao thông vận tải.

Chức vụ: Hiện nay: Bí thư chi bộ; Chức vụ cao nhất đã qua: Bí thư chi bộ

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Giao thông vận tải

Địa chỉ cơ quan: Số 3 phố Cầu Giấy, P.Láng Thượng, Q.Đống Đa, Hà Nội.

Điện thoại cơ quan: (84.24) 37663311

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng năm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 25 tháng 6 năm 2003; số văn bằng: B456938; ngành: Cơ khí, chuyên ngành: Công nghệ chế tạo máy; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Đại học Bách khoa Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 18 tháng 6 năm 2008; số văn bằng: 003611; ngành: Kỹ thuật Cơ khí; chuyên ngành: Máy và dụng cụ công nghiệp; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Đại học Bách khoa Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng TS ngày 24 tháng 3 năm 2011; ngành: Cơ khí và Tự động hoá; chuyên ngành: Cơ điện tử; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Đại học tổng hợp DaYeh, Đài Loan.

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm ...; số văn bằng:; ngành:; chuyên ngành:; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm , ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh tại HĐGS cơ sở:

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh tại HĐGS ngành, liên ngành:

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Sau khi tốt nghiệp tiến sĩ, Ứng viên tập trung phát triển các nghiên cứu theo hướng Rô bốt và động lực học, dao động cơ học, gia công cơ khí, EDM, micro-EDM và phát triển các sản phẩm cơ điện tử có tính ứng dụng cao.

+ Hướng nghiên cứu 1: Rô bốt và động lực học (**Robotics & Multi-body Dynamics**)

+ Hướng nghiên cứu 2: Công nghệ vật liệu và chế tạo Cơ khí (**Materials & Mechanical Manufacturing**)

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) **02** HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng **03** cấp cơ sở;
- Đã công bố (số lượng) **25** bài báo khoa học, trong đó là tác giả chính của **18** bài báo khoa học trên tạp chí uy tín trong nước và quốc tế; trong 25 bài báo khoa học đó có **16** bài viết bằng tiếng anh và **10** bài thuộc các danh mục **SCI/SCIE/ESCI/Scopus**.
- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản **02**, trong đó **02** thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:
- 15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):
- 16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Ứng viên làm việc tại Trường Đại học Giao thông vận tải từ tháng 3/2005 đến nay, trong đó có 3 năm 6 tháng làm nghiên cứu sinh tại Đại học tổng hợp DaYeh, Đài Loan. (từ 8/2007 đến hết 3/2011). Từ tháng 5 năm 2011 đến nay Ứng viên là giảng viên cơ hữu của bộ môn Cơ điện tử trường Đại học Giao thông vận tải. Trong suốt quá trình công tác tại trường Đại học Giao thông vận tải, ứng viên luôn phấn đấu, rèn luyện thực hiện đúng các nhiệm vụ của nhà giáo. Ứng viên tự nhận thấy mình có đầy đủ các tiêu chuẩn của một giảng viên đại học cụ thể như sau:

❖ *Về phẩm chất chính trị, đạo đức và lối sống:*

- Ứng viên luôn chấp hành tốt chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước và các quy định của Cơ quan công tác. - Có quan điểm lập trường vững vàng, thật sự yêu mến nghề, vượt qua mọi khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ được giao. - Phẩm chất đạo đức tốt, lối sống làm mạnh, chân thành, đúng mực với bạn bè đồng nghiệp, cầu thị tiếp thu sửa chữa khuyết điểm để hoàn thiện bản thân.

- Ứng viên luôn nêu cao tinh thần tự học hỏi ở đồng nghiệp, từng bước bồi dưỡng để hoàn thành nhiệm vụ giảng dạy đạt hiệu quả.

❖ *Về chuyên môn, nghiệp vụ:*

Ứng viên được đào tạo chính quy và được cấp các học vị bao gồm:

- Tốt nghiệp Đại học chính quy (1998-2003), ngành Cơ khí, chuyên ngành Kỹ thuật chế tạo máy tại Đại học Bách Khoa Hà Nội;

- Tốt nghiệp Thạc sĩ theo chương trình đào tạo tập trung (2005-2007), ngành Cơ khí, chuyên ngành Máy và dụng cụ công nghiệp tại Đại học Bách khoa Hà Nội;

- Tốt nghiệp Tiến sĩ theo chương trình chính quy tập trung (2007-2011), chuyên ngành Cơ điện tử tại Đại học tổng hợp DaYeh, Đài Loan;

- Hoàn thành các khóa học bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, nghiệp vụ Giảng viên chính;

Quá trình học tập, đào tạo là cơ sở vững chắc giúp ứng viên thực hiện tốt các nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu và quản lý, cụ thể như sau:

• Về công tác đào tạo Đại học và Sau Đại học:

- Giảng dạy các học phần chuyên môn cho hệ Đại học bao gồm các học phần: Rô bốt công nghiệp; Dao động kỹ thuật; Công nghệ gia công trên máy điều khiển số (CNC); Động lực học máy; Công nghệ CAE&FEM; Đồ án tốt nghiệp kỹ sư chuyên ngành Cơ điện tử.

- Giảng dạy các học phần chuyên môn cho chương trình đào tạo sau Đại học bao gồm: Rô bốt nâng cao; Luận văn tốt nghiệp cho hệ đào tạo Thạc sĩ chuyên ngành Kỹ thuật Cơ khí động lực, hướng chuyên sâu Kỹ thuật máy.

- Tham gia hướng dẫn sinh viên, chấm đồ án tốt nghiệp đại học cho chuyên ngành Cơ điện tử của Trường Đại học Giao thông vận tải. Tham gia hướng dẫn học viên cao học, chấm luận văn thạc sĩ cho chuyên ngành Cơ điện tử của Trường Đại học Giao thông vận tải. (Tham gia hội đồng chấm luận văn thạc sĩ chế tạo máy của Đại học Bách khoa Hà Nội).

- Đóng góp khác trong công tác đào tạo: Ứng viên tham gia công tác xây dựng chương trình ngành Cơ điện tử của khoa Cơ khí, Trường Đại học Giao thông vận tải. Cập nhật chương trình đào tạo và thực hiện giảng dạy cho sinh viên các chuyên ngành Cơ điện tử, Kỹ thuật máy động lực, Kỹ thuật ô tô, Tàu điện Metro của khoa Cơ khí, Trường Đại học Giao thông vận tải. Thực hiện tốt công tác cố vấn học tập và giáo viên quản lý lớp. Không ngừng khơi dậy niềm đam mê học tập và nghiên cứu cho các thế hệ sinh viên của Trường Đại học Giao thông vận tải. Ứng viên luôn duy trì kết nối hợp tác giữa cá thể hệ sinh viên, là cầu nối quan trọng giúp các sinh viên liên hệ và tiếp cận thông tin với doanh nghiệp một cách sớm nhất, tốt nhất.

- Về nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

- Năng lực nghiên cứu: Ứng viên thể hiện được năng lực trong việc định hướng nghiên cứu và triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ. Ứng viên đã thực hiện thành công nhiều đề tài nghiên cứu có ý nghĩa khoa học và thực tiễn được nghiệm thu với kết quả tốt (chủ trì 03 đề tài cấp cơ sở). Ứng viên là tác giả chính/đồng tác giả của nhiều bài báo khoa học trên các tạp chí/hội thảo uy tín trong nước và quốc tế.

- Kết quả công bố và xuất bản: Ứng viên đã công bố được **25** bài báo/báo cáo khoa học (**18** bài là tác giả chính) trong các tạp chí, hội nghị uy tín trong nước và quốc tế. Trong đó có **10** bài báo khoa học thuộc danh mục tạp chí **SCI/SCIE/ESCI/Scopus**. Trong 25 bài báo/báo cáo khoa học đó có **16** bài được viết bằng tiếng anh. Tham gia biên soạn **02** cuối sách giáo trình (Dao động kỹ thuật và Rô bốt công nghiệp) phục vụ đào tạo chuyên ngành Kỹ thuật Cơ điện tử và một số chuyên ngành khác trong Ngành Cơ khí.

- Tổ chức nghiên cứu: Ứng viên có kinh nghiệm trong việc nghiên cứu, tổ chức, dẫn dắt và triển khai các nhóm nghiên cứu trong lĩnh vực Cơ điện tử và nghiên cứu liên ngành. Ứng viên có năng lực định hướng nghiên cứu và đề xuất các giải pháp sáng tạo cho các vấn đề kỹ thuật phức tạp.

- Uy tín khoa học trong cộng đồng (*Google scholar, H-index, thành viên Hội đồng biên tập tạp chí có uy tín...*):

- Tham gia phản biện nhiều tạp chí khoa học uy tín: Tạp chí Khoa học Giao thông vận tải, Tạp chí Cơ khí Việt Nam...
- Google scholar: <https://scholar.google.com/citations?user=Ajzl0E8AAAAJ&hl=vi>
- H-index: 4 (Google scholar)
- Research Gate: <https://www.researchgate.net/profile/Hoang-Vuong-Pham>
- H-index: 4 (Research Gate)
- Tham gia các hội đồng nghiệm thu đề tài khoa học cấp nhà nước, cấp bộ và cấp cơ sở, hội đồng chấm luận văn cao học.

- Về ngoại ngữ:

- Ứng viên đáp ứng trình độ tiếng Anh để có thể học tập và nghiên cứu ở nước ngoài và đã bảo vệ thành công luận án Tiến sĩ ở nước ngoài bằng tiếng Anh. Ứng viên thường xuyên sử dụng tiếng Anh trong công việc nghiên cứu và giảng dạy, tham gia các hội nghị, hội thảo quốc tế, trao đổi chuyên môn học thuật với đồng nghiệp nước ngoài.

❖ Về sức khỏe:

- Ứng viên tự nhận thấy mình có đủ sức khỏe để hoàn thành tốt các nhiệm vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học, cũng như công tác khác do Trường Đại học Giao thông vận tải phân công.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: hơn 19 năm, thời gian giảng dạy liên tục từ tháng 5 năm 2011 đến nay theo quyết định số 853/QĐ-ĐHGTVT.

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2018-2019			1	10	451		451/794.13/270
2	2019-2020				17	360		360/554.75/270
3	2020-2021				13	576		576/814.55/270
03 năm học cuối								
4	2021-2022				11	858		858/1038.75/270
5	2022-2023				10	870		870/1134.1/250
6	2023-2024				22	690		690/1226.62/250

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; tại nước: Đài Loan năm 2011

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Bùi Mạnh Cường		x	x		2016-2017	Đại học Giao thông vận tải	29/11/2017
2	Nguyễn Tiến Dũng		x	x		2018-2019	Đại học Giao thông vận tải	18/01/2019

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1	Dao động kỹ thuật	GT	2014	2	x	108-190	Giấy xác nhận của trường GTVT ngày 29/2/2024 đính kèm
2	Rô bốt công nghiệp	GT	2015	1	x	144	Giấy xác nhận của trường GTVT ngày 29/2/2024 đính kèm

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: [],.....

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận PGS/TS				

II	Sau khi được công nhận PGS/TS				
1	Ứng dụng phương trình Lagrange dạng nhân tử vào giải và mô phỏng bài toán động lực học ràng buộc bởi điều kiện biên trên Matlab Simulink	CN	T2015-CK-36, cấp trường	1/2015 đến 12/2015	Biên bản nghiệm thu ngày 17/12/2015, xếp loại Tốt.
2	Tính toán và mô phỏng bài toán động lực học cơ cấu phẳng trên Matlab	CN	T2017-CK-21, cấp trường	1/2017 đến 12/2017	Biên bản nghiệm thu ngày 29/12/2017, xếp loại Khá.
3	Nghiên cứu thiết kế điều khiển hệ thống đồ xe tự động kết hợp xử lý ảnh nhận diện khuôn mặt và biển số xe.	CN	T2023-CK-013, cấp trường	1/2023 đến 12/2023	Biên bản nghiệm thu ngày 17/11/2023, xếp loại Tốt.

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS							
1	Design and Fabrication of a Statically-stable Stair-climbing Robotic Wheelchair	2		Industrial Robot ISSN: 0143-991x	ISI Q2, IF 1.35 (2022)	25	Vol. 36 No. 6, pp. 562-569.	10/2009 https://doi.org/10.108/01439910910994632
2	Trajectory planning in parallel kinematic manipulators using a constrained multi-objective evolutionary algorithm	2	x	Nonlinear Dynamics, ISSN 0924-090x	SCIE Q1, IF 5.6 (2022), IF (5-year) 5.1 (2022)	48	Vol. 67, pp 1669-1681	6/2011 https://link.springer.com/article/10.1007/s11071-011-0095-2

3	Enhanced Development and Stability Analysis of a New Stair-Climbing Robotic Wheelchair	2		IEEE International Conference on Advanced Robotics and its Social Impacts, IEEE(ARSO2008) ISSN: 2162-7568	International Conference	10		10/2008 https://ieeexplore.ieee.org/document/4653582
4	Dynamic Analysis of a Stair-Climbing Robotic Wheelchair on Climbing Winding Stairs	2		Proceedings of the 10th International Conference on Automation Technology National Cheng Kung University	International Conference		pp. 844-851	7/2009
5	On Climbing Winding Stairs for a Robotic Wheelchair	2		World Academy of Science, Engineering and Technology, Taiwan	International Conference	3	pp. 299-304	5/2010 https://zenodo.org/records/1331523
6	Motion Analysis of a Robotic Wheelchair on Climbing Winding Stairs in an Open Mode	6		IEEE International Conference	International Conference	3	pp. 517-522	7/2010 https://ieeexplore.ieee.org/document/5549690
II	Sau khi được công nhận PGS/TS							
7	On Climbing Winding Stairs in an Open Mode for a New Robotic Wheelchair	2		Advanced Robotics, ISSN: 0169-1864, 1568-5535	ISI Q2, IF: 2.0 (2022), IF (5-year): 2.6 (2022).	9	Vol. 26, 2012 - Issue 1-2, pp 63-82.	4/2012 https://doi.org/10.1163/016918611X607374
8	Ứng dụng Simmechanics trong bài toán động học robot scara ba bậc tự do	1	x	Tạp chí Khoa học Giao thông vận tải, ISSN: 1859-2724	Tạp chí Việt Nam		Số 38, trang 35	6/2012
9	Phân tích chuyển động mô hình xe	1	x	Tạp chí Giao thông vận tải,	Tạp chí Việt Nam		Số 6, trang 38	6/2014

	một bánh 9 bậc tự do			ISSN: 2354-0818, 2615-9791				
10	Phương pháp giải và mô phỏng bài toán động lực học ràng buộc điều kiện biên	1	x	Tạp chí Giao thông vận tải, ISSN: 2354-0818, 2615-9791	Tạp chí Việt Nam		Số 8, trang 67	8/2015
11	Xây dựng và mô phỏng phương trình động lực học rô bốt Exoskeleton.	2	x	Tạp chí Giao thông vận tải, ISSN: 2354-0818, 2615-9791	Tạp chí Việt Nam		Số 8, trang 127	8/2016
12	Controller design for high speed deep-skinking edm using programmable logic controller.	2	x	Tạp chí Cơ khí Việt Nam, ISSN 2615 - 9910 (bản in), 2815 - 5505 (online)	Tạp chí Việt Nam		Số 12, trang 40	12/2018
13	Ứng dụng mô đun Simcape phân tích mô hình động lực học Rô bốt Exoskeleton	2	x	Tạp chí Cơ khí Việt Nam, ISSN 2615 - 9910 (bản in), 2815 - 5505 (online)	Tạp chí Việt Nam		Số 12, trang 106	12/2018
14	Ứng dụng mô đun Simcape phân tích động học Robot song song Delta.	1	x	Tạp chí Cơ khí Việt Nam, ISSN 2615 - 9910 (bản in), 2815 - 5505 (online)	Tạp chí Việt Nam		Số 6, trang 55	6/2020
15	Đánh giá dung sai độ tròn dựa vào thuật toán bình phương bé nhất.	2	x	Tạp chí Cơ khí Việt Nam, ISSN 2615 - 9910 (bản in), 2815 - 5505 (online)	Tạp chí Việt Nam		Số 6, trang 217	6/2021
16	Xây dựng bộ điều khiển PD bám quỹ đạo cho Rô bốt song song Delta	2	x	Tạp chí Cơ khí Việt Nam, ISSN 2615 - 9910 (bản in), 2815 - 5505 (online)	Tạp chí Việt Nam		Số 5, trang 139	5/2021
17	A Numerical Simulation	5		The AUN/SEED-Net Joint	Scopus		pp. 1279–1291	6/2022

	and Design of an Inspection System to Evaluate the Quality of Home Appliance Products.			Regional Conference in Transportation, Energy, and Mechanical Manufacturing Engineering. RCTEMME 2021. Lecture Notes in Mechanical Engineering. Springer, Singapore. Scopus Indexed. Online ISBN: 978-981-19-1968-8				https://link.springer.com/chapter/10.1007/978-981-19-1968-8_108
18	Một phương án thiết kế và điều khiển hệ thống đỗ xe tự động kết hợp xử lý ảnh	2	x	Tạp chí Cơ khí Việt Nam, ISSN 2615 - 9910 (bản in), 2815 - 5505 (online)	Tạp chí Việt Nam		Số 302, trang 26	4/2023
19	Thiết kế mô phỏng hệ thống đỗ xe tự động trên cơ sở dẫn động kho hàng tự động	3	x	Tạp chí Cơ khí Việt Nam, ISSN 2615 - 9910 (bản in), 2815 - 5505 (online)	Tạp chí Việt Nam		Số 302, trang 41	4/2023
20	Optimizing Helmet Materials: A Comparative Analysis of Safety and Cost-Effectiveness	1	x	Journal of Chemical Health Risks, ISSN: 2251-6719, 2251-6727,	Scopus Q4		Vol. 13 No. 4, pp. 2138-2144	12/2023 https://jchr.org/index.php/JCHR/article/view/1384
21	Impact of Geometric Parameters on Spring-Back Deformation in Double-Layer Metal Sheet Bending with an L-Shaped Die	1	x	Journal of Propulsion Technology, ISSN: 1001-4055,	Scopus Q3		Vol. 44 No. 4, pp. 4321-4327	11/2023 https://propulsiontechjournal.com/index.php/journal/article/view/1665

22	Investigating Technological Parameters and TiN-Coated Electrodes for Enhanced Efficiency in Ti-6Al-4V Micro-EDM Machining	5	x	Metals, ISSN: 2075-4701,	SCIE Q1, Impact Factor: 2.9 (2022); 5-Year Impact Factor: 2.9 (2022)	1	Vol 14, pp. 162	1/2024 https://doi.org/10.3390/met14020162
23	Optimizing Technological Parameters in Electrical Discharge Machining with Graphene-Coated Aluminum Electrodes for Enhanced Machining of Titanium Alloy: A Taguchi-TOPSIS Approach	4	x	Tribology in Industry, ISSN: 0354-8996	Scopus Q3		Vol. 46, No. 2, pp. 324-331.	6/2024 https://DOI:10.24874/ti.1600.01.24.02
24	Enhancing EDM performance with multi-objective decision-making using copper-coated aluminum electrodes and TOPSIS methodology for Ti-6Al-4V machining	4	x	International Journal of Modern Physics B ISSN (print): 0217-9792 ISSN (online): 1793-6578	SCIE Q2/Q3 IF: 1,404 (2023)			6/2024 https://doi.org/10.1142/S0217979225400235
25	Improving Micro-EDM Machining Efficiency for Titanium Alloy Fabrication with Advanced	5	x	MicroMachine ISSN: 2072-666X	SCIE Q2 IF: 3.523 (2023)		volum 15, issue 6	6/2024 https://doi.org/10.3390/mi15060692

Coated Electrodes							
-------------------	--	--	--	--	--	--	--

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: **06** bài báo khoa học (các số thứ tự **20, 21, 22, 23, 24, 25**).

Ngoài ra, ứng viên là tác giả và đồng tác giả của **04** bài báo nằm trong danh mục **SCIE, ISI** có chỉ số **Impact Factor** cao hơn **2.0** đó là: (bài có số thứ tự **[02]**, **ISI Q1** có **IF: 5.6**, bài có số thứ tự **[07]**, **ISI Q2** có **IF: 2.9**, bài có số thứ tự **[22]**, **SCIE Q1** có **IF: 2.6** và bài báo có số thứ tự **[25]**, **SCIE Q2** có **IF: 3.523**).

Chi tiết **06** bài báo khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS như sau:

1. [22] **Hoang-Vuong Pham**, Huu-Phan Nguyen, Shirguppikar Shailesh, Duc-Toan Nguyen, Ngoc-Tam Bui, Investigating Technological Parameters and TiN-Coated Electrodes for Enhanced Efficiency in Ti-6Al-4V Micro-EDM Machining; Metals (2024), volum 12, issue 2, ISSN: 2075-4701, **SCIE Q1, Impact Factor: 2.9** (2022). <https://doi.org/10.3390/met14020162>

2. [24] **Vuong Pham Hoang**, Phan Nguyen Huu, Shailesh Shirguppikar, Toan Nguyen Duc, Enhancing EDM performance with multi-objective decision-making using copper-coated aluminum electrodes and TOPSIS methodology for Ti-6Al-4V machining; International Journal of Modern Physics B, ISSN (print): 0217-9792, ISSN (online): 1793-6578, **SCIE Q2/Q3 IF: 1,404** (2023). <https://doi.org/10.1142/S0217979225400235>

3. [25] **Hoang-Vuong Pham**, Huu-Phan Nguyen, Shirguppikar Shailesh, Duc-Toan Nguyen, Ngoc-Tam Bui, Improving Micro-EDM Machining Efficiency for Titanium Alloy Fabrication with Advanced Coated Electrodes; MicroMachine (2024), volum 15, issue 6, ISSN: 2072-666X, **SCIE Q2 IF: 3.523** (2023). <https://doi.org/10.3390/mi15060692>

4. [20] **Pham Hoang-Vuong**, Optimizing Helmet Materials: A Comparative Analysis of Safety and Cost-Effectiveness; Journal of Chemical Health Risks (2023); volum 13, No 4, ISSN: 2251-6719, 2251-6727, **Scopus Q4**. <https://jchr.org/index.php/JCHR/article/view/1384>

5. [21] **Pham Hoang-Vuong**, Impact of Geometric Parameters on Spring-Back Deformation in Double-Layer Metal Sheet Bending with an L-Shaped Die; Journal of Propulsion Technology (2023), volum 44, No 4, ISSN: 1001-4055, **Scopus Q3**.

<https://propulsiontechjournal.com/index.php/journal/article/view/1665>

6. [23] **Hoang-Vuong Pham**, Huu-Phan Nguyen, Shirguppikar Shailesh, Duc-Toan Nguyen, Optimizing Technological Parameters in Electrical Discharge Machining with Graphene-Coated Aluminum Electrodes for Enhanced Machining of Titanium Alloy: A Taguchi-TOPSIS Approach; Tribology in Industry (2024), Vol. 46, No. 2, pp. 324-331; ISSN: 0354-8996, **Scopus Q3**. <https://DOI: 10.24874/ti.1600.01.24.02>

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						

--	--	--	--	--	--	--	--

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

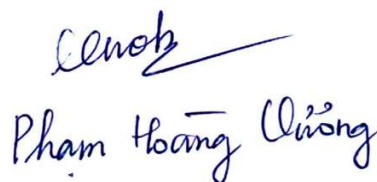
C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 26 tháng 06 năm 2024

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)


Phạm Hoàng Cường